



PHÁC HỌA HÌNH MẪU KIẾN TRÚC CHUNG CÁC NGÔI CHÙA KHI BIÊN SOẠN MỤC TỪ TRONG TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA VỀ CHÙA Ở NỘI THÀNH HÀ NỘI

NGUYỄN THỦY HỒNG *

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến một số khái niệm về “kiến trúc”, “chùa”; khảo sát kiến trúc chung cũng như cách bài trí hệ thống tượng thờ phổ biến ở các ngôi chùa thuộc khu vực nội thành Hà Nội. Bên cạnh đó, bài viết biên soạn một mục từ là CHÙA TỨ LIÊN để làm ví dụ minh họa. Bài viết là một phần kết quả của hệ đề tài cấp cơ sở “Từ điển bách khoa về chùa ở nội thành Hà Nội - Phần 2” thực hiện năm 2023.

Từ khóa: Kiến trúc, chùa, tượng Phật, Hà Nội.

Abstracts: The article is concerned with some concepts of “architecture” and “pagoda”; investigates the general patterns of architecture as well as the common arrangement of the system of worship statues in pagodas in the inner city of Hanoi,...; Besides, an entry of TU LIEN Pagoda - a pagoda in Hanoi’s inner-city area is also compiled. The article is as a partial result of the system of institutional level research projects “Encyclopedia of pagodas in inner city Hanoi - Part 2” carried out in 2023.

Keywords: Architecture, pagodas, Buddha, Hanoi.

1. Mở đầu

Xưa nay đã từng có nhiều sách báo, bài viết về hàng trăm ngôi chùa ở Hà Nội nói chung, nội thành Hà Nội nói riêng (khái niệm nội thành Hà Nội cũng thay đổi theo từng thời kỳ lịch sử, bài viết lấy mốc đến 2023 để xác định các quận thuộc nội đô); tuy nhiên, chưa có nhiều các công trình tra cứu về lĩnh vực này; do vậy, nhóm biên soạn đã tiến hành biên soạn bộ *Từ điển bách khoa về chùa ở nội thành Hà Nội*. Trong quá trình nghiên cứu các tài liệu, kết hợp với điền dã thực tế nhằm phục vụ việc biên soạn mục từ, nhóm biên soạn nhận thấy rằng, rất cần khảo sát về mô hình kiến trúc chung của các ngôi chùa, góp phần làm sâu sắc hơn nội dung tri thức của mỗi mục từ. Để dễ hình dung về chủ đề được nhắc tới ở đây, cuối bài viết là mục từ mẫu

* ThS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: hongnguyen1296@gmail.com

CHÙA TỨ LIÊN, một ngôi chùa có lịch sử lâu đời và khá nổi tiếng ở nội đô.

2. Các khái niệm chung

2.1. Khái niệm kiến trúc

Theo *Từ điển Hán Việt*, kiến trúc là: “xây đắp nhà cửa, thành lũy” [1, tr. 424]. *Từ điển bách khoa Việt Nam* định nghĩa mục từ kiến trúc là: “Nghệ thuật thiết kế và xây dựng các công trình, tổ chức các môi trường không gian, phục vụ cho cuộc sống và hoạt động của con người” [3, tr.569]; mục từ cũng nêu rõ các tác phẩm kiến trúc bao gồm: “các ngôi nhà, các ngôi đền chùa, tượng đài, các quần thể công trình và các tổng thể không gian ngoài trời” [3, tr.569]. Từ hai định nghĩa trên ở hai bộ từ điển, chúng ta có thể hiểu kiến trúc trong xây dựng chùa chiền là việc xây đắp, thiết kế, bố trí môi trường không gian trong mỗi ngôi chùa để phục vụ cho cuộc sống và hoạt động tôn giáo, tâm linh của tăng ni, phật tử và du khách thập phương.

2.2. Khái niệm chùa

“Chùa” nguyên gốc chữ Hán là “tự”, vốn là nơi ở và tông sự của một chức quan, về sau khi tăng đồ đến truyền bá giáo lý nhà phật, lúc đầu chưa có nơi tu hành, nên được vị quan đó nhường “tự” cho nhà sư tạm trú trong thời gian giảng đạo; lâu dần tự trở thành nơi tu tập và hành đạo của các tăng ni phật tử. Ở Việt Nam, phần lớn tên các ngôi chùa đều có chữ *tự* ở đằng sau như Dục Khánh tự, Phúc Khánh tự, Cổ Sơn tự,... vì thế, cũng trong *Từ điển Hán Việt* cho biết chùa là “nhà quan - chỗ thầy tu ở - chùa” [1, tr.399]. Ở *Từ điển tiếng Việt* “chùa” được định nghĩa là công trình được xây cất lên, làm nơi thờ Phật [5]. Còn trong *Từ điển bách khoa Việt Nam* chùa là “nơi thờ Phật, nơi cầu kinh lễ Phật của tín đồ

một làng hay một vùng” [2, tr.521]. Chung quy lại, chùa bao giờ cũng gắn liền với các lễ nghi và sinh hoạt Phật giáo.

Bên cạnh khái niệm cơ bản nêu trên, trong tiếng Việt chùa còn được gọi với khá nhiều tên gọi khác nhau. Như tác giả Đinh Lê Thư đã thống kê gồm: Đạo tràng, già lam, Phật đường, thiền đường, thiền thất, thiền tứ, thiền viện, tinh thất, tinh xá, tùng lâm, tự viện,... [4, tr.50-56]. Ngoài các khảo sát trên của tác giả, chúng tôi còn thấy có những tên gọi khác nữa như: Am, thảo am, thạch thất, cốc, bích,... Dẫu vậy, tên gọi chùa (tự) vẫn mang tính phổ biến nhất, thường gắn liền với địa danh, nhân danh,... và tên chữ (Hán tự) của chùa. Ví dụ các ngôi chùa gắn với địa danh như: chùa Thanh Nhân, chùa Tứ Liên, chùa Xã Đàn, chùa Vẽ,...; gắn với nhân danh như: chùa Lý Quốc Sư, chùa Bà Già, chùa Vua,...; gắn với tên chữ Hán như: Phúc Ân tự, Phúc Khánh tự, Phúc Lâm tự, Quang Minh tự, Diên Phúc tự,...

Trở lên, là các khái niệm cơ bản về kiến trúc, chùa và các tên gọi khác của chùa. Dưới đây xin đi sâu vào kiến trúc tiêu biểu của các ngôi chùa.

3. Khảo sát kiến trúc phổ biến của các ngôi chùa

Các ngôi chùa ở Hà Nội nói chung, nội đô nói riêng đều có lịch sử từ khá lâu đời gắn với lịch sử xuất hiện, hưng vong, phục dựng của Phật giáo và gắn với thực tế về kinh tế, văn hóa xã hội của từng địa phương qua các thời kỳ cho đến ngày nay, nên kiến trúc của các ngôi chùa cũng có sự thay đổi và không thể thống nhất một cách tuyệt đối. Sau đây, là những miêu tả về cấu trúc của các ngôi chùa được khái lược những nét tổng quát nhất thường thấy.

3.1. Về kiến trúc cơ bản

Chùa thường được kiến trúc theo các dạng chữ (cơ bản có bốn dạng): 1. Chữ Công “工”; 2. Chữ Đinh “丁”; 3. Chữ Tam “三”; 4. Chữ Quốc “国”. Trong đó, kiến trúc kiểu chữ Công là phổ biến nhất, chữ Công gồm có ngoài cùng là nhà bái đường, hai bên là tả vu hữu vu (hành lang có mái), ở giữa là chính điện, phía sau cùng là nhà tăng, ni, nhà tổ (cũng có chùa làm nhà thờ tổ riêng). Chùa hình chữ Tam cũng giống chùa hình chữ Công, chỉ khác ở chỗ hai bên tả vu hữu vu là tường bao. Chùa hình chữ Đinh, phía ngoài là bái đường, phía sau là chính điện. Chùa hình chữ Quốc là một phức hợp kiến trúc hơn các dạng chữ trên, ngoài cùng là bái đường, hai bên là hành lang lợp mái (có thể cũng như khối nhà dọc), ở giữa là chính điện, phía sau lần lượt có hậu đường, nhà hội đồng, nhà thờ tổ và chư vị, hai bên hệ thống nhà đó là các tầng phòng. Ngoài bốn kiểu kiến trúc thường thấy như trên, còn có kiểu kiến trúc gọi là “nội công ngoại quốc” (trong chữ Công, ngoài chữ Quốc), kết hợp giữa dạng 1 và dạng 4 ở trên.

Dễ nhận thấy nhất khi vào một ngôi chùa thường đi qua hệ thống cổng được định danh tên gọi chung là cổng tam quan, hai bên cổng có thể còn có cả tả môn (cổng trái) và hữu môn (cổng phải); thường hai cổng nhỏ đó là chỗ đi lại hàng ngày, còn tam quan chỉ mở khi có dịp lễ tết, hội hè,...

Trên cổng tam quan thường cấu trúc các tầng để đặt chuông, treo khánh; cũng có những ngôi chùa có nhà chuông riêng, có nơi treo khánh, đặt trống riêng.

Khi xây dựng tam quan, thường có thầy xem phong thủy đặt hướng sao cho phù hợp với cấu trúc tổng thể của ngôi chùa, xưa

hướng chùa thường vọng thủy (biển, sông, hồ, ao, đầm,...), tựa sơn (núi, đồi, gò, nơi đất cao hoặc giả sơn,...).

Qua tam quan thường là một sân rộng được lát bằng gạch cổ đất nung, hai bên sân là tả vu và hữu vu để làm nơi bài trí các pho tượng La hán; cũng có thể là nhà tri khách, nhà trưng bày các cổ vật, tranh ảnh liên quan đến ngôi chùa, và nơi bày bán các đồ lưu niệm cho du khách thập phương. Trong sân còn có thể là nơi đặt các cây cảnh và non bộ (có thể gắn với sự tích ra đời của Đức Phật).

Qua sân là đến bái đường, thường được thiết kế gồm 5 gian, nơi đặt hương án thờ Phật, trên hương án thường có bát hương và bộ đồ thờ kèm theo, một khoảng trống ở phía trước đặt các vật phẩm dâng lễ; trước hương án là một vuông chiếu, kích thước to nhỏ khác nhau, thường được xây cao hơn nền bái đường, đây là nơi thiền tọa của tăng, ni mỗi khi hành lễ, bên cạnh có đặt các bộ chuông mõ để tụng niệm khi đọc kinh, tấu sớ,... Trong nhà bái đường thường đặt tượng Hộ pháp ở hai bên, mặc trang phục võ sĩ với áo giáp, mũ trụ, tay cầm binh khí, kích thước to lớn; tượng đặt bên trái gọi là Khuyến Thiện (ông Thiện), tượng bên phải gọi là Trừng Ác (ông Ác), cả hai bức tượng này đều gắn với sự tích về hành trình Phật Thích Ca Mâu Ni đi giáo hóa dân chúng. Ở phía đông nhà bái đường thường đặt tượng thờ Thổ Địa, tức là thờ thần đất, có ý nghĩa như việc thờ vị thần coi giữ tài sản trong khu vực chùa, do vậy, thần Thổ Địa thường được tạc với khuôn mặt nghiêm khắc, râu dài; có một số ngôi chùa lại thờ riêng tượng thần Thổ Địa ở một ngôi miếu bên cạnh chùa. Trong bái đường còn có nơi thờ Thập điện Diêm Vương, thường gồm 10 vị cai quản ở 10 cửa điện: 1. Tàn Quang

Vương, cai quản điện thứ nhất (tuần thứ nhất sau khi người ta chết); 2. Sở Giang Vương, cai quản điện thứ hai (tuần thứ hai); 3. Tống Đế Vương, cai quản điện thứ ba (tuần thứ ba); 4. Ngũ Quan Vương, cai quản điện thứ tư (tuần thứ tư); 5. Diêm La Vương, cai quản điện thứ năm (tuần thứ năm); 6. Biển Thành Vương, cai quản điện thứ sáu (tuần thứ sáu); 7. Thái Sơn Vương, cai quản điện thứ bảy (tuần thứ bảy); 8. Bình Đẳng Vương, cai quản điện thứ tám (tuần bách nhật - 100 ngày); 9. Đô Thị Vương, cai quản điện thứ chín (tuần giỗ đầu); 10. Ngũ Đạo Chuyển Luân Vương, cai quản điện thứ mười (tuần giỗ hết - giỗ năm thứ 3). Dân gian gọi chung 10 tượng đó là tượng Diêm Vương, có chùa thờ chung 10 vị, gọi là thập điện; lại có chùa thờ riêng ở hai bên nhà bái đường, mỗi bên 5 vị (như sẽ thấy trong phần mô tả ở mục từ Chùa Tứ Liên dưới đây).

Sau bái đường là tòa chính điện. Đây là nơi quan trọng nhất của một ngôi chùa, thường được bài trí các pho tượng Phật, số lượng các pho tượng tùy thuộc vào từng ngôi chùa, cụ thể từ một chục đến vài chục, thậm chí đến hàng trăm pho tượng. Dưới đây là một số tượng Phật phổ biến:

Tượng Tam thế, gồm ba pho tượng, an tọa nơi cao nhất trên ban thờ, tượng trưng cho: Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai; một trong những vị Phật quá khứ là Phật A Di Đà, Phật hiện tại là Thích Ca Mâu Ni (theo Phật giáo đại thừa), Phật vị lai là Phật Di Lặc. Các vị Phật quá khứ, hiện tại, vị lai được đặt ngồi trên tòa sen, có kích thước và hình dáng tương tự nhau, với những họa tiết được chạm khắc và sơn thếp sinh động.

Tượng Di đà tam tôn, là lớp tượng Phật thứ hai sau bộ tượng Tam thế, từ ngoài

nhìn vào ngồi giữa là Phật A Di Đà, bên trái là Quán Thế Âm, bên phải là Đại Thế Chí (vì kỵ húy, Phật Quán Thế Âm còn được gọi là Phật Quán Âm/Quan Âm). Phật A Di Đà được quan niệm là giáo chủ ở cõi Tây phương cực lạc, còn gọi là thế giới tịnh độ/tịnh thổ (cõi đất trong sạch), Phật tử khi niệm Nam mô A Di Đà Phật là thể hiện mong muốn, khát vọng thoát khỏi cõi sa bà/ta bà (là cõi người chịu nhiều khổ ải phiền não, cõi đất gọi là uế thổ - đất không sạch) để đến với/vãng sanh vào thế giới Tây phương cực lạc. A Di Đà Phật là pho tượng thường được tạc rất lớn, nổi bật trong các ngôi chùa Phật giáo đại thừa, theo nhiều tư thế khác nhau, nhưng cơ bản là tư thế thiền tọa hoặc thuyết pháp trên đài sen; trang phục thường là áo cà sa, với những nếp gấp rất sinh động, diện mạo tượng nhân từ, đôn hậu, tai dày và chảy, hai bàn tay đặt giữa lòng, tay trái đặt lên bàn tay phải, hai ngón cái giao nhau. Quán Thế Âm và Đại Thế Chí là hai vị bồ tát/thị giả ở hai bên Phật A Di Đà, giúp việc cứu nhân độ thế. Riêng Phật Quán Thế Âm được các Phật tử quan niệm là vị bồ tát thường rủ lòng từ bi cứu khổ cứu nạn, khi gặp khổ đau hoạn nạn người ta thường tụng danh hiệu của ngài, mong được ngài hiện thân cứu độ. Tuy nhiên, cũng có nhiều biểu hiện của Quán Thế Âm như Nam Hải Quán Thế Âm, Quán Thế Âm bồ tát thiên thủ thiên nhãn, Phật Bà Quan Âm,... những tượng Phật này cũng thường thấy trong các ngôi chùa.

Tượng Thích Ca Mâu Ni, là lớp tượng thứ ba được bài trí trong hệ thống tượng Phật. Thích Ca Mâu Ni được xem là giáo chủ khai sinh ra đạo Phật, thường có các tư thế: 1. Tượng Thích ca sơ sinh (còn gọi tượng Cừ Long), hai bên là tượng Đế

Thích và Phạm Vương. Nói về việc Phật Thích Ca Mâu Ni lúc mới sinh, tương truyền khi Phật ra đời có 9 con rồng xuống phun nước tắm rửa, xong Phật tự đi được 7 bước, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất nói câu: thiên thượng, địa hạ, duy ngã độc tôn, nghĩa là: trên có trời, dưới có đất chỉ mình ta là tôn quý, từ sự tích đó gọi tượng là Cửu Long (9 con rồng), sau này cũng dựa vào sự tích này vào ngày Phật Đản (8.4 âm lịch) các chùa thường rước tượng ra tắm gọi là lễ Bụt sinh; 2. Tượng Phật Tuyết Sơn (khi Đức Phật đang tu tập khổ hạnh ở núi tuyết, có hình dáng rất gầy guộc); 3. Tượng niết bàn (khi Đức Phật nhập niết bàn); 4. Tượng Phật thuyết pháp, thường ngồi trên đài sen, mặc áo pháp, hở một bên vai, cầm hoa sen. Bên cạnh tượng Thích Ca Mâu Ni có hai vị bồ tát làm thị giả là Văn Thù bồ tát và Phổ Hiền bồ tát; có chùa thay thế hai vị này bằng Phật Ca Diếp và Phật A Nan Đà.

Ngoài 4 lớp tượng trên, các chùa còn có thể đặt thêm các tượng: tứ Bồ Tát, tứ Thiên Vương, Kim Cương Bát bộ. Trong đó, Bát bộ Kim Cương có thể được hiểu là: Thanh Trừ Tai, Tích Độc Thần, Hoàng Tùy Cầu, Bạch Tịnh Thủy, Xích Thanh Hòa, Định Trừ Tai, Từ Hiền và Đại Thần Lực; hoặc có thể hiểu là Bát Đại Kim Cương đồng tử gồm: Tuệ Quang, Tuệ Hỷ, A-núc Đạt Đa, Chi Đức, Ô Cự Bà Ca, Thanh Đức, Căng Yết La và Chế Cha Ca. Dù các thuyết có thể khác nhau nhưng đây đều là các vị Kim Cương hộ trì Phật pháp nên các tượng đều có dáng dấp dữ dội và oai phong như các võ tướng.

Ở một số chùa, sau các lớp tượng thứ 3 hay 4 có bày thêm Phật Bà Quan Âm Thiên Thủ Thiên Nhân (Phật Bà nghìn tay, nghìn mắt), tượng trưng cho Quan

Thế Âm có phép thần thông biến hóa, hiện hình ở nhiều sắc tướng để cứu khổ cứu nạn bằng sự thần thông quảng đại, sự linh ứng mỗi khi kêu cầu.

Như vậy, kiến trúc chùa chủ yếu là ở nhà bái đường và chính điện. Phần lớn các chùa đều có hệ thống nhà hành lang (tả vu - hành lang trái, hữu vu - hành lang phải). Hệ thống tượng bày ở nhà hành lang chủ yếu là tượng các vị La Hán, thông thường có 18 vị gọi là thập bát La Hán.

3.2. Một số kiến trúc khác trong chùa

Nhà tăng đường, thường nằm sau chính điện nên còn được gọi là nhà hậu đường. Đây là nơi thờ các vị sư tổ đã tu hành tại chùa, tùy theo niên đại. Nếu là chùa có từ lâu đời thường có thờ tượng Thánh tăng, tức là đức A Nan Đà hoặc đức Văn Thù Bồ Tát và tượng của vị tổ đến từ phương tây (Ấn Độ). Tiếp đến là tượng các vị tổ theo thời gian trụ trì tại chùa. Nhà tăng đường cũng là nơi thờ các vị thánh của đạo giáo và tín ngưỡng dân gian như: thánh mẫu Liễu Hạnh, mẫu Thủy (Thoải), chúa Thượng ngàn và các vị ở tứ phủ là thiên phủ, địa phủ, thủy phủ, nhạc phủ. Trong tăng đường cũng thường có ban thờ hậu, tức là thờ những người có công đức trong việc xây dựng, tu bổ chùa,... Ở một số ngôi chùa trong hậu đường còn đặt tượng Quan Âm Tống Tử, liên quan đến tích truyện Quan Âm Thị Kính, hai bên thường có tượng Kim đồng - Ngọc nữ hoặc Thiện tài - Long nữ. Phần lớn các ngôi chùa còn dành một không gian nhất định để làm nơi thờ vong (là những người sau khi chết được gia đình bốc bát hương/hoặc gửi tro cốt thờ cúng tại chùa).

Nhà thờ mẫu, thường nằm đối diện song song với nhà thờ tổ.

Nhà tăng, nhà ni, nơi ở của các vị trụ trì chùa và các chú tiểu.

Nhà khách, nơi tiếp khách thập phương.

Thư viện và nơi lưu giữ, bày bán đồ lưu niệm. Thư viện thường là nơi tàng kinh, có chùa còn giữ được những ấn bản từ xa xưa bằng mộc bản và các loại sách vở bằng giấy dó, bằng kim loại,...

Nhà bia, là nơi lưu giữ các tấm bia đá cổ liên quan đến sự tích các lần trùng tu của chùa và các loại bia hậu thường khắc bằng chữ Hán - Nôm. Đối với những tấm bia mới có thể khắc bằng chữ quốc ngữ.

Vườn tháp, là nơi đặt các tháp của các vị sư đã từng tu hành trong chùa. Một số chùa còn có thể là nơi đặt mộ của các Phật tử có công cung tiến lớn và quy y cửa Phật,...

Cũng xin nói thêm đôi điều về mỹ thuật thông qua các biểu tượng thường gặp trong phong cách kiến trúc và nghệ thuật chạm khắc của hệ thống tượng thờ trong chùa.

Về phong cách kiến trúc, từ kiểu mẫu kiến trúc (như bốn kiểu chữ ở trên), đi vào cụ thể hơn còn có thể thấy nhìn chung kiến trúc còn lại phần lớn thuộc thời hậu Lê và thời Nguyễn (từ nguyên thủy đến các lần tu bổ, phục dựng). Cũng có những ngôi chùa còn lại hình bóng của kiến trúc các đời trước như thời Mạc, thời Lê sơ, nhưng không nhiều.

Về nghệ thuật chạm khắc, trang trí các họa tiết trên các tượng thờ, người ta hay bắt gặp những tư thế chủ yếu như: tư thế tay (thí nguyện ấn, thí vô úy ấn, an úy ấn, định ấn, chuyển pháp luân ấn, kim cương hợp chương, quán đảnh ấn,...); tư thế ngồi (liên hoa tọa, thanh nhàn đế vương, kết gia phu tọa, bán gia phu tọa, thiện gia phu tọa,...),...

Ngoài ra, bên cạnh hệ thống tượng thờ

còn có tranh ảnh thờ, bích họa; trang trí trên hệ thống cột, chân cột, mái vòm, cuốn thư, và các đồ vật trong và ngoài chùa,...

Có thể nói toàn bộ kiến trúc và cách bài trí kể cả nội thất và ngoại thất trong một ngôi chùa đều bao hàm một ý nghĩa tổng thể là nói lên vị trí, lịch sử, giá trị văn hóa nghệ thuật của mỗi ngôi chùa; tất cả đều nhằm mục đích hoằng dương Phật pháp, hướng tới một đời sống nhân sinh an lành và thiện lạc.

3.3. Biên soạn mục từ chùa Tứ Liên

CHÙA TỨ LIÊN (cg. chùa Tứ Tổng), tên chữ là Tam Bảo tự, được khởi dựng từ năm thứ ba, niên hiệu Đức Long (1631) thời vua Lê Thần Tông; cơ sở Phật giáo, di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia; địa chỉ: số 167 - 169 đường Âu Cơ, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Hà Nội.

Chùa có diện tích tương đối rộng, địa thế phong thủy đẹp, nằm cạnh đê Sông Hồng và hồ Tứ Liên; kiến trúc xây dựng hình chữ “Đình”, sau lần trùng tu năm 1992, chùa có hình dáng cơ bản kiên cố như hiện nay. Có 2 cổng tam quan: 1. Tam quan chính, dựng đầu tiên, nằm phía trước chính điện, nhìn ra hồ Tứ Liên, xây 3 tầng, hai mái lợp ngói, 3 cửa, 5 bậc lên, gác trên có lối bậc cầu thang lên, chính giữa treo chuông đồng, hai bên đặt trống đá và khánh đá; các họa văn họa tiết trang trí gồm: hình rồng, chim, cây, họa tiết đối xứng, hoạt cảnh thầy trò Đường tăng, chữ Hán,... hiện không có lối đi vào từ cổng tam quan này. 2. Tam quan sau, là lối đi chính vào chùa, nằm ở phía sau chùa, hướng Đông Bắc, dưới chân đê đường Âu Cơ, tam quan này 3 tầng, 3 mái lợp ngói đắp hình rồng ở bốn góc mái mỗi tầng và 1 bánh xe pháp luân chính giữa đỉnh mái,

dựng chủ yếu bằng gỗ, cột xây, hai bên có 7 bậc thềm; 1 cửa chính rộng dốc xuống đặt rồng đá uốn lượn ở hai bên bậc thềm, 2 cánh cổng lớn bằng gỗ đóng đinh kiểu công đường; hoa văn họa tiết cách điệu trang trí trên hệ thống cửa, diềm mái,... như tùng, cúc, trúc, mai, hoa sen, cây cối, họa tiết đối xứng, hoạt cảnh thầy trò Đường tăng (trên bức chạm gỗ lớn ở chính giữa cổng), mây, núi,...; vào trong là khoảng sân lát gạch đá xanh xám; tam quan có cầu thang gỗ đi lên bên phải (hướng từ trong chùa nhìn ra cổng), trên có gác chuông treo 1 quả chuông đồng lớn ở chính giữa, đúc năm 2010, thân chuông có nhiều họa tiết, chữ Hán khắc nổi như hai vòng chữ Hán, dịch là: “Thế giới hòa bình chúng sinh an lạc/Phật nhật tăng huy pháp luân thường chuyển/Phong hòa vũ thuận quốc thái dân an” và “Đông, nam vô u minh/Xuân, giáo chủ cứu khổ/Hạ, Bản tôn đại nguyện/Thu, Địa Tạng Vương Bồ Tát”,...

Hai bên Tam quan là hệ thống nhà hai tầng hình chữ U thông nhau và thông với tầng 2 của tam quan sau, ở giữa là khoảng sân. Hai bên tả vu hữu vu có nhà trai đường, nhà khách ở tầng 1 và nhà thờ tổ, nhà thờ mẫu ở tầng 2; hoa văn khắc nổi cách điệu trang trí trên hệ thống cột và lan can gồm hoa sen, chữ Hán, cá chép, rồng, tùng, cúc, trúc, mai, vân mây,...; trong sân có nhiều cây xanh, có hai tượng sư tử đứng hai chân trước trên phiến đá có chạm khắc hình sư tử nổi, hai tượng này ở phía sau lưng hậu cung, hướng ra phía cửa tam quan.

Qua tam quan chính là khoảng sân gạch dẫn đến chính điện, tòa tam bảo trước mắt, có bài trí hòn non bộ, hai bên đặt nhà bia, xung quanh có nhiều hoa và cây xanh; có vườn mộ tháp bên trái tiền đường với 7 ngôi tháp, tháp chính ở giữa 4 tầng, các

tháp xung quanh 3 tầng. Tòa tam bảo nhìn ra cổng tam quan chính và hồ Tứ Liên, xây dựng theo lối kiến trúc hình chữ “Đỉnh”, chính điện và hậu cung kết cấu “chuôi vồ”. Tiền đường nằm cao hẳn lên, có 7 bậc thềm, phía trước đặt lư hương lớn và cây nền đá hai bên; hai bên cột có các cặp câu đối đắp nổi, thí dụ: “Nhĩ thủy trường thanh pháp vũ quân chiêm ngư thính kệ/Tùng lâm tú mậu từ phong phổ phiến điều văn kinh” {Sông Nhĩ (sông Hồng) lắng trong, thấm đều mưa Phật pháp, cá nghe lời kệ/Rừng tùng (cảnh chùa) rợp bóng, gió từ bi quạt khắp, chim thấu tiếng kinh},... Cạnh các cặp đối chính là hai bức tranh đắp nổi họa tiết cách điệu tùng, cúc, trúc mai kèm các bài kệ nổi tiếng như bài của thiền sư Vạn Hạnh (Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,...). Chính điện có hệ thống tượng thờ, bài trí theo hệ phái Đại thừa Bắc tông gồm 6 lớp tượng thờ các bộ tượng Tam thế Phật mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn; hai bên là ban thờ hộ pháp (Thiện - Ác), ban thờ tượng Đức Chúa ông và Đức Thánh hiền; ở hai bên thờ Thập điện Diêm Vương (mỗi bên 5 vị); ngoài cùng bên trái là ban thờ hậu, ngoài cùng bên phải là ban thờ Địa Tạng Vương và ban thờ vong. Trên mỗi ban đều có hoành phi, cuốn thư sơn son thiếp vàng, trên chính điện là bức cuốn thư có ba chữ đại tự: “Thiên nhân sư” (danh hiệu Phật: Thích Ca Mâu Ni Bổn Sư Phật); toàn bộ hệ thống cột đều treo các cặp đối bằng Hán tự chữ vàng hoặc đen.

Qua tam quan chính, ở hai bên là hai nhà bia. Bên trái là nhà bia mới, ghi việc trùng tu vào năm 1992 để có toàn bộ cảnh quan ngôi chùa như hiện nay. Bên phải là nhà bia cũ, lưu giữ tám bia quý có niên đại năm thứ ba, hiệu Đức Long (1631) như đã nói trên (cho biết thời gian tu dựng ngôi chùa cách

nay gần 400 năm); bia có hai mặt chữ, mặt ngoài ghi lại nội dung việc trùng tu chùa Tam Bảo và những chế độ chính sách về ruộng đất, thuế khóa đối với người dân trong khu vực chùa để gìn giữ trông nom, bảo vệ chùa; mặt sau ghi lại danh sách các quan lại, dân chúng địa phương và khách thập phương đã công đức tu bổ chùa. Chính tấm bia là di vật quý giá khẳng định lịch sử lâu đời của ngôi chùa và cho biết tên chùa Tam Bảo qua dòng chữ trên trán bia: Tam Bảo tự bi (Bia chùa Tam Bảo).

4. Kết luận

Trên đây là phần trình bày về kiến trúc phổ biến của các ngôi chùa thuộc nội thành Hà Nội qua mấy nội dung chính: (i) tìm hiểu các khái niệm chủ yếu về “chùa”, “kiến trúc” gắn với việc xây dựng và bài trí chùa chiền; (ii) khảo sát cụ thể kiến trúc chung của các ngôi chùa và cách bài trí hệ thống tượng thờ,...; (iii) mô tả cụ thể một ngôi chùa cổ làm ví dụ minh họa. Phần lớn các ngôi chùa ở nội thành Hà Nội đều có lịch sử khá lâu đời gắn với lịch sử phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội,... của thủ đô. Tuy nguyên trạng hầu hết không còn, đều trải qua các lần trùng tu, phục dựng, nhưng những di vật quý còn lại trong các ngôi chùa đều có ý nghĩa rất lớn, một phần nói lên giá trị khi các ngôi chùa được xếp hạng ở vị trí tôn vinh từ cấp quốc gia đến cấp địa phương. Việc biên soạn công

trình *Từ điển bách khoa về chùa ở nội thành Hà Nội* góp phần gìn giữ, tiếp tục bảo tồn và phát huy giá trị của các ngôi chùa cổ trong đời sống sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo là công việc quan trọng đối với Hà Nội hiện nay.

CHÚ THÍCH

¹ Đề tài cấp Cơ sở do ThS. Nguyễn Thủy Hồng và ThS. Trịnh Thị Ly làm Chủ nhiệm, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam là Tổ chức chủ trì, thực hiện năm 2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đào Duy Anh, *Từ điển Hán Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
- [2] Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 1, Trung tâm biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội, 1995.
- [3] Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 2, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2002.
- [4] Đinh Lê Thư, “Những từ chỉ chùa trong tiếng Việt hiện nay”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 1(21), 2013.
- [5] Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng, 2004.